

Tư tưởng của G.W.F. Hegel về sự tha hóa của con người

Trần Nhựt Khang*

Nhận ngày 11 tháng 8 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 10 năm 2023.

Tóm tắt: Bài viết trình bày nội dung chủ yếu trong tư tưởng của G.W.F. Hegel về sự tha hóa của con người. Trước hết, tác giả phân tích cách hiểu của Hegel về thuật ngữ *tha hóa* cùng với các thuật ngữ có liên quan do chính Hegel sử dụng: sự *ngoại tại hóa* và sự *đối tượng hóa*. Hegel tập trung luận giải về sự tha hóa của con người, với tư cách là chủ thể tự - ý thức, trong mối quan hệ với thế giới khách quan cũng như trong quá trình kiến tạo văn hóa, kiến tạo xã hội, xây dựng một đời sống mang tính người. Tác giả cũng chỉ ra sự tiếp thu, điều chỉnh và phê phán của Feuerbach và Marx đối với những quan điểm về sự tha hóa của con người mà Hegel đã đưa ra. Cuối cùng, tác giả nêu lên một cách khái quát giá trị và hạn chế trong tư tưởng của Hegel về sự tha hóa của con người.

Từ khóa: Tha hóa, ngoại tại hóa, đối tượng hóa, tự - ý thức, lao động.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: The article presents the main content of G.W.F. Hegel's thought on alienation of man. First of all, the author analyzes Hegel's understanding of the term "alienation" along with the related terms that Hegel himself used: "externalization" and "objectification". Hegel focused on explaining the alienation of humans as self-conscious subjects, in their relations with the objective world as well as in the process of creation of culture and society, and constructing a life with the character of humans. The author also points out the reception, adjustment and criticism by Feuerbach and Marx of the views on alienation of man that Hegel put forth. Finally, the author generally states the value and limitations in Hegel's thought on that alienation.

Keywords: Alienation, externalization, objectification, self-consciousness, labor.

Subject classification: Philosophy

1. Đặt vấn đề

Georg Wilhelm Friedrich Hegel (1770-1831) là một trong những nhà triết học có tầm ảnh hưởng lớn nhất của nền triết học cổ điển Đức và là một triết gia duy tâm tiêu biểu. Ông đã xây dựng nên một hệ thống triết học đồ sộ với nội dung phong phú (cùng với lối trình bày trừu tượng, phức tạp). Trong đó, sự tha hóa của con người là một vấn đề quan trọng đối với Hegel và được ông trình bày trong nhiều tác phẩm của mình. Thông qua việc xem xét con người trong sự tha hóa - với tính cách một quá trình khách quan, tất yếu, gắn với đời sống của con người, Hegel đã mang đến một cách nhìn biện chứng sắc sảo về con người: con người không chỉ được sinh ra mà còn là sự trở thành, con người tự tác tạo nên chính bản thân mình trong mối quan hệ với thế giới đối tượng khách quan và trong hành trình kiến tạo xã hội hay kiến tạo đời sống văn hóa, trong đó, con người có mối quan hệ liên tục với những "cái khác" của mình, thể hiện mình trong cái khác đó và tiến đến xác lập một thế giới - cho - con người. Cách tiếp cận này của Hegel giúp con người hiểu sâu sắc hơn về chính mình và về đời sống của mình, mặc dù nó vẫn có những hạn chế nhất định.

* Trường Đại học Cửu Long.
Email: khangtuyet2015@gmail.com

Bài viết này trình bày những nội dung cơ bản trong tư tưởng của Hegel về sự tha hóa của con người, chỉ ra những điểm có giá trị và điểm hạn chế của tư tưởng đó, phân tích sự tiếp thu và sự phê phán của Feuerbach và của Marx-Engels đối với các quan niệm mà Hegel đã đưa ra về sự tha hóa, sự ngoại tại hóa.

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Những tư tưởng của Hegel về sự tha hóa của con người đã thu hút sự chú ý, nghiên cứu của một số tác giả. Có thể điểm lại một số tác giả và công trình tiêu biểu về chủ đề này như sau.

Jean Hypolite trong cuốn *Studies on Marx and Hegel (Nghiên cứu về Marx và Hegel)* (1973) đã bàn đến cách tiếp cận của Hegel về sự tha hóa (tiếng Đức: entfremdung/entfremden, tiếng Anh: alienation/alienate). Ông khái quát rằng trong tác phẩm *Hiện tượng học Tinh thần*, Hegel phân tích sự tha hóa của tự - ý thức/con người trong xã hội công dân/xã hội tư sản ở thế kỷ XVIII dưới hình thức trừu tượng. Với Hegel, bản chất của con người - vốn dĩ mang tính loài và tính xã hội, tha hóa và ngoại tại hóa thông qua hệ thống các quan hệ kinh tế, để từ đó, con người trở lại với chính mình bởi sự điều hành phổ quát của tự - ý thức.

Lukacs trong tác phẩm *The young Hegel* (1975) đã nhấn mạnh rằng khái niệm “ngoại tại hóa” và “tha hóa” chiếm vị trí trung tâm trong lập trường triết học của Hegel. Lukacs chỉ ra rằng “tha hóa” và “ngoại tại hóa” chính là những khâu thiết yếu trong quá trình vận động của con người, ở đó con người ngoại hiện năng lực nhận thức và năng lực hoạt động nơi “vật tính” (tiếng Anh: thinghood) của các đối tượng, thông qua đó từng bước vượt bỏ sự phân đôi nhằm đạt được sự đồng nhất biện chứng giữa chủ thể và khách thể. Lukacs cũng chú ý phân tích sự tiếp nhận, phê phán và cải biến đối của Feuerbach và Marx đối với khái niệm “tha hóa” và “ngoại tại hóa” của Hegel.

Trong chuyên khảo với nhan đề *Hegel* (ấn bản 1999), nhà nghiên cứu Charles Taylor đã khảo sát cách tiếp cận về mối quan hệ của tự - ý thức với đối tượng, và nhấn mạnh rằng, theo quan điểm của Hegel, đối tượng của tự - ý thức tồn tại một cách sống động. Taylor cũng chỉ ra khuynh hướng vận động của tự - ý thức vừa là ngoại tại hóa chính mình nơi cái khác (đối tượng), vừa là sự phủ định cái khác (tiếng Anh: the negation of otherness).

Quyển *Hegel - A Very Short Introduction* (2001) của Peter Singer trình bày tóm tắt rằng tự - ý thức có quan hệ với đối tượng, đối tượng này là cái bên ngoài nó, xa lạ với nó, đối lập với nó. Chính vì vậy, tự - ý thức tất yếu tha hóa chính mình trong lĩnh vực của đối tượng. Tự - ý thức vận động để tước bỏ tính chất xa lạ này, để “vượt bỏ” sự tha hóa của chính bản thân nó.

Tác giả Michael Inwood đã viết một mục từ về “Tha hóa và ngoại tại hóa” trong cuốn *Từ điển triết học Hegel* (2015) của mình. Ông đã giải thích nghĩa cơ bản của tha hóa và ngoại tại hóa theo cách hiểu của Hegel: tha hóa chính là trở nên xa lạ với chính mình, ngoại tại hóa là “làm cho trở thành bên ngoài”. Inwood cũng khảo sát một số trường hợp Hegel dùng hai khái niệm này trong các tác phẩm của mình, đặc biệt là cuốn *Hiện tượng học Tinh thần*.

Trong số các nhà tư tưởng Việt Nam, Trần Đức Thảo có cách tiếp cận độc đáo đối với triết học Hegel. Trong các tác phẩm *Hiện tượng học Tinh thần và nội dung hiện thực của nó (La Phénoménologie de l'Esprit et son contenu réel)* (1948), *Hạt nhân duy lý trong phép biện chứng của Hegel* (1956), Trần Đức Thảo đã chỉ ra rằng *Hiện tượng học Tinh thần* của Hegel thực chất là học thuyết về sự vận động và phát triển của ý thức, trong đó ý thức “tha hóa” bản thân nơi thực tại khách quan. Nhưng chính ý thức từng bước khắc phục sự tha hóa đó thông qua lao động, từ đó ý thức chiếm lĩnh thực tại khách quan và tự biến mình thành thể giới tinh thần duy nhất. Trần Đức Thảo chú ý phân tích về những biểu hiện

tha hóa của tự - ý thức ở những phần Hegel viết về *sự sống, ham muốn, sự công nhận và cuộc đấu tranh sống chết, biện chứng chủ - nô* trong quyển *Hiện tượng học Tinh thần*.

Bài viết này một mặt kế thừa có chọn lọc các tác giả tiêu biểu đi trước đã trình bày trên đây, mặt khác triển khai việc nghiên cứu theo hướng tiếp cận mới hơn. Điểm mới của bài viết này là trình bày theo logic trong tư tưởng của Hegel về sự tha hóa của con người: ông phân tích những biểu hiện và cơ sở của sự tha hóa trong mối quan hệ giữa con người với thế giới khách quan, cũng như trong mối quan hệ giữa con người với con người; từ đó ông đề ra giải pháp để khắc phục sự tha hóa trên phương diện lý luận (bởi triết học) cũng như trên phương diện thực tiễn (bởi nhà nước), chứ không đơn thuần giải thích về ý nghĩa của các thuật ngữ và diễn giải các tư tưởng. Từ đó, bài viết chỉ ra một số nội dung quan trọng trong sự tiếp thu, phê phán và cải biến của Feuerbach (cách tiếp cận duy vật nhân bản) và Marx-Engels (cách tiếp cận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử) đối với tư tưởng của Hegel về sự tha hóa của con người.

1.2. Phương pháp và tài liệu nghiên cứu

Bài viết được thực hiện dựa trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Tác giả vận dụng kết hợp các phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh - đối chiếu, logic - lịch sử... trong quá trình nghiên cứu.

Về tài liệu, tác giả sử dụng các tác phẩm của Hegel (bản dịch tiếng Anh từ nguyên tác tiếng Đức) như: *Phenomenology of Spirit (Hiện tượng học Tinh thần)*, *Elements of the Philosophy of Right (Những nguyên lý của Triết học pháp quyền)*, *The Science of Logic (Khoa học Logic)*, *Lectures on the philosophy of world history (Các bài giảng triết học về lịch sử thế giới)*. Bên cạnh đó, tác giả đọc, trích dẫn và khái quát từ các tài liệu nghiên cứu có liên quan đến triết học Hegel như đã trình bày ở phần tổng quan tình hình nghiên cứu của đề tài và danh mục tài liệu tham khảo. Riêng đối với các tác phẩm của Marx-Engels, tác giả sử dụng bản dịch trong C. Mác và Ph. Ăng-ghen - *Toàn tập* của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

2. Khái quát quan điểm của Hegel về thuật ngữ “tha hóa”

Trong tác phẩm nổi tiếng *Hiện tượng học Tinh thần* (hoàn thành năm 1807) - tác phẩm đánh dấu bước ngoặt trong sự phát triển của triết học Hegel, xác lập những tư tưởng cơ bản và mang tính định hướng cho toàn bộ hệ thống triết học của ông, Hegel đã có những quan điểm sắc sảo về vấn đề tha hóa. Ở đây, ông đã đưa thuật ngữ “tha hóa” (tiếng Đức: *entfremdung/entfremden*, tiếng Anh: *alienation/alienate*) vào sự nghị luận triết học của mình. Với Hegel, tha hóa có những nét nghĩa như sau: Thứ nhất, tha hóa là “làm cho trở thành xa lạ với chính mình”, chuyển thành trạng thái khác với trạng thái đang có của mình, đồng thời là sự xác định chính mình trong cái khác. Ở nghĩa này, “*entfremdung/entfremden*” còn gần với thuật ngữ “*entäußerung/entäussern*” (tiếng Anh: *externalization/externalize*). Thuật ngữ “*entäußerung/entäussern*” có thể hiểu là sự “ngoại tại hóa chính mình”, nghĩa là làm cho những cái vốn dĩ thuộc về mình trở thành cái ở bên ngoài mình, khách quan với chính mình. Thứ hai, tha hóa là quá trình phân hóa, từ một nhất thể ban đầu phân thành các mặt đối lập, và các mặt đối lập lại được thống nhất trở lại hay được hòa giải, đó là sự thống nhất ở trình độ cao hơn. Ở nghĩa này, “*entfremdung*” gần liền với thuật ngữ “*vergegenständlichung/versachlichen*” (tiếng Anh: *objectification/objectify*), hiểu là sự “đối tượng hóa” chính mình, soi chiếu chính mình trong một cái gì đó là “đối tượng” khác với mình, và phản ánh chính mình trong đối tượng đó.

Trong *Hiện tượng học Tinh thần*, Hegel cho rằng bản chất thực sự của con người là tự - ý thức (tiếng Đức: *selbstbewußtsein*, tiếng Anh: *self-consciousness*), nói cách khác, con người chính là chủ thể tự - ý thức. Hegel xác định rằng: “Ý thức về một “cái khác”, về đối tượng nói chung, thì nó thực sự là tự - ý thức một cách tất yếu, là sự phản ánh-trong-chính-mình, là ý thức về chính mình trong cái khác của mình” (Georg Wilhelm Friedrich Hegel, 1977: 102). Như vậy, tự - ý thức chính là sự xác định chính mình trong mối quan hệ với “cái khác của mình”, hay với đối tượng (object). Theo quan điểm của Hegel, ngay từ đầu, vật tính hay tính vật thể của đối tượng chính là sự tha hóa của tự - ý thức, bởi vì tính vật thể đó được xác định bởi sự đối tượng hóa và sự phản ánh chính mình của tự - ý thức. Trong *Bản thảo kinh tế - triết học 1844*, Marx đã khái quát về điểm này như sau: “Sự tha hóa của tự - ý thức thiết định tính vật thể. Vì con người là tự - ý thức nên bản chất đối tượng đã tha hóa của nó, hoặc tính vật thể của nó [...] là đồng nhất với tự - ý thức đã bị tha hóa” (Các Mác & Phridodrich Ăngghen, 2000: 320). Tự - ý thức cấu thành bản chất cốt yếu, là “tinh túy” của con người, nên những phân tích của Hegel về sự tha hóa của con người gắn liền với sự tha hóa của tự - ý thức.

3. Những phương diện của sự tha hóa của con người theo quan điểm của Hegel

Trước tiên, trong phần (B) “Tự - ý thức” của *Hiện tượng học Tinh thần*, Hegel hiểu rằng tự - ý thức (con người) tha hóa trong tiến trình vô tận của *sự sống*. Tất nhiên, sự sống trong cách hiểu của Hegel không đơn thuần mang nghĩa sinh học, mà nó là “sự vận động thuần túy xoay quanh trục của nó, sự yên tĩnh của chính nó lại là tính vô tận tuyệt đối không yên tĩnh” (Georg Wilhelm Friedrich Hegel, 1977: 102) và là cái “nhất thể phổ biến bao hàm bên trong nó tất cả mọi yếu tố đã được vượt bỏ” (Georg Wilhelm Friedrich Hegel, 1977: 108) và theo Hegel, sự sống như vậy chính là *loài* (tiếng Đức: *gattung*, tiếng Anh: *genus*). Nó không phải chỉ là sự sống của một cá nhân nào đó, mà là sự sống của toàn thể loài, là sự sống mang tính loài; vì vậy, con người cá nhân nhìn nhận và trải nghiệm sự sống đó như là một cái gì đó ngoại tại với mình, thậm chí đối lập với mình. Con người cá nhân đúng là đang sống, nhưng sự sống thực sự gắn với tính loài phổ biến của con người lại diễn ra một cách khách quan, “dửng dưng” với sự hiện diện và ý muốn thuần túy của cá nhân.

Tiếp theo, Hegel xem xét sự tha hóa của tự - ý thức hay con người trong mối quan hệ với đối tượng. Cũng trong chương về “Tự - ý thức” này, Hegel phân tích cụ thể hơn về sự tha hóa của tự - ý thức với tư cách là *sự ham muốn*. Tự - ý thức khẳng định chính mình một cách rõ ràng thông qua việc thủ tiêu đối tượng với tư cách là cái khác của mình (Georg Wilhelm Friedrich Hegel, 1977: 109). Tự - ý thức biểu hiện và khẳng định chính mình trong mối quan hệ với đối tượng. Đối tượng là phương tiện để duy trì sự tồn tại của tự - ý thức (hiểu là con người), tự - ý thức cần chiếm hữu và tiêu thụ đối tượng. Vì vậy, tự - ý thức chính là sự ham muốn hay nhu cầu. Với Hegel, mối quan hệ giữa tự - ý thức với đối tượng là mối quan hệ mang tính phủ định, nhưng thông qua nó, “[...] tự - ý thức không thể thủ tiêu [triệt để] được đối tượng, nó chỉ lại càng tạo ra đối tượng [mới] cũng như tạo ra ham muốn [mới]” (Georg Wilhelm Friedrich Hegel, 1977: 109). Nghĩa là, tự - ý thức không ngừng tiêu thụ đối tượng để thỏa mãn sự ham muốn, nhưng sự ham muốn cũng không ngừng tái lập, do đó, tự - ý thức không ngừng vận hành trong tiến trình tiêu thụ đối tượng. Sự ham muốn thể hiện rõ *sự tha hóa của tự - ý thức trong quan hệ với đối tượng*. Tự - ý thức khẳng định sự tồn tại của chính mình trong mối quan hệ với đối tượng, đồng thời *đối tượng hóa* chính mình trong đối tượng, vì tự - ý thức phản ánh chính mình với tư cách là sự ham muốn ở nơi đối tượng; từ đối tượng này, nó quay trở lại để xác định chính mình, hòa giải với chính mình.

Từ chỗ con người cần đến đối tượng để thỏa mãn nhu cầu, Hegel có đề cập sự tha hóa của con người trong vấn đề sở hữu. Ông viết về điều này trong cuốn *Những nguyên lý của Triết học pháp quyền* (1821). Con người cần đối tượng để đáp ứng nhu cầu của mình, nên con người buộc phải sở hữu đối tượng. Theo Hegel: “phương diện làm cho tôi - với tư cách là ý chí tự do - trở nên khách quan trong việc chiếm hữu, và qua đó, mới là ý chí hiện thực, tạo nên cái yếu tố đích thực và hợp pháp trong việc chiếm hữu: điều đó tạo nên quy định của sở hữu” (Georg Wilhelm Friedrich Hegel, 2003: 76-77). Như vậy, việc sở hữu chính là sự ngoại tại hóa ý chí của con người nơi đối tượng, chiếm hữu nó và biến nó thành cái của mình. Vì vậy, quan hệ sở hữu thực chất là sự tha hóa của con người trong đối tượng (ở đây, Hegel chỉ mới dừng lại ở sự tha hóa của con người trong quan hệ với đối tượng được xác định thông qua sở hữu, nhưng ông chưa phân tích sự tha hóa của con người trong quan hệ với con người được xác định thông qua sở hữu, điều này về sau sẽ được Marx trình bày một cách sáng tỏ).

Ở cấp độ tổng quát, Hegel xem toàn bộ lịch sử và toàn bộ quá trình kiến tạo văn hóa của nhân loại gắn liền quá trình tha hóa của con người trong thế giới đối tượng khách quan. Hegel tin vào sự điều hành hợp lý của Lý tính (tiếng Đức: Vernunft, tiếng Anh: Reason) đối với toàn bộ thế giới. Lý tính thể hiện trong Tinh thần - Tinh thần là “thực thể tuyệt đối và thực tồn” (Georg Wilhelm Friedrich Hegel, 1977: 264), đến lượt mình, Tinh thần hóa thân vào toàn bộ diễn trình lịch sử của nhân loại, trong toàn bộ hành trình tác tạo và đào luyện văn hóa của con người. Vì vậy, “lịch sử thế giới mang tính hợp lý và là tiến trình tất yếu của Tinh thần thế giới” (Georg Wilhelm Friedrich Hegel, 2011: 80), Tinh thần thế giới bao hàm trong nó toàn bộ những hình thái của ý thức và những thành tố văn hóa tương ứng đã, đang và sẽ triển khai trong tiến trình của lịch sử. Mỗi bước đi của lịch sử, của con người đều là những vòng khâu trong một trật tự hợp lý, trong đó có sự tha hóa. Nếu sự tha hóa có gây ra khổ đau hay bất hạnh với chính con người, thì đó là do những “mẹo lừa của lý tính” (tiếng Đức: List der Vernunft, tiếng Anh: the cunning of Reason) gây ra, nhưng những mẹo lừa này vẫn không thể vượt khỏi trật tự hợp lý do lý tính đặt định. Vì vậy, xét đến cùng, “sự tha hóa” theo quan niệm của Hegel mang sắc thái trung tính, không tích cực, cũng không hoàn toàn tiêu cực. Tinh thần chính là cơ sở phổ biến cho toàn bộ tự - ý thức cá biệt, nó không hoàn toàn nằm bên ngoài mà thể hiện mình trong chính sự vận động của tự - ý thức thuộc về mỗi cá nhân. Tự - ý thức thể hiện chính mình trong quá trình tha hóa, hay nói cách khác, với Hegel, “con người đã tha hóa với chính mình khi anh ta tồn tại” (Karl Löwith, 1993: 95). Chính Hegel đã viết rằng: sự tha hóa, theo nghĩa là sự tha hóa khỏi tình trạng tự nhiên, vừa là mục đích, vừa là phương thức hiện hữu của cá nhân (Georg Wilhelm Friedrich Hegel, 1977: 297).

Theo cách tiếp cận này của Hegel, sự vận động của Tinh thần - hành trình kiến tạo và đào luyện văn hóa - chính là quá trình tha hóa của tự - ý thức và quá trình tự - ý thức tái - kết nối với chính mình, tái khẳng định mình trong thế giới đối tượng khách quan. Ông lập luận rằng: “Sự hiện hữu của thế giới này, cũng như hiện thực của tự - ý thức đều dựa vào tiến trình tự - ý thức ngoại tại hóa nhân cách của nó ra bên ngoài, qua đó, tạo ra thế giới của nó và hành xử với thế giới ấy như với cái gì xa lạ, ở bên ngoài mà từ nay nó phải chiếm lĩnh. Nhưng bản thân việc từ bỏ sự tồn tại - cho - mình của tự - ý thức chính là việc tạo ra hiện thực; và do đó, nhờ sự từ bỏ ấy, tự - ý thức chiếm lĩnh hiện thực ấy một cách trực tiếp” (Georg Wilhelm Friedrich Hegel, 2010: 29). Theo cách tiếp cận của Hegel, *lao động của tự - ý thức biểu hiện ở năng lực phạm trừ hóa thế giới khách quan* vừa là sự tha hóa của tự - ý thức trong hiện thực khách quan, vừa là sự chiếm lĩnh hiện thực đó, và thông qua điều này, tự - ý thức tái kết nối hay tái thống nhất với chính mình. Chỉ khi đó, con người

mới thực sự từ bỏ trạng thái tự nhiên thuần túy, tiến lên kiến lập một thế giới dành cho mình, một thế giới thuộc về mình, một đời sống mang tính người hay là một đời sống có văn hóa với sự đa dạng phong phú của nó, và đó cũng chính là quá trình kiến tạo xã hội của con người với tính cách là *giới tự nhiên thứ hai*.

Vì vậy, với Hegel, giải pháp để khắc phục sự tha hóa của tự - ý thức, hay của con người trong mối quan hệ với đối tượng và với thế giới khách quan nói chung nằm trong chính bản thân triết học với tư cách là hệ thống khoa học hay tri thức khoa học đích thực, bao gồm Khoa học Logic, Triết học Tự nhiên và Triết học Tinh thần; trong đó, *Khoa học Logic* là cơ sở của toàn bộ hệ thống. *Khoa học Logic* chính là “khoa học thuần túy xác định được sự giải phóng khỏi sự đối lập của ý thức. Nó hàm chứa tư duy trong chừng mực tư duy này cũng là bản thân thực tại; hoặc bản thân thực tại trong chừng mực nó tương ứng với tư duy thuần túy” (Georg Wilhelm Friedrich Hegel, 2010: 29). Nó không còn sự phân đôi và sự đối lập của tự - ý thức và đối tượng, mà nó được xác lập dựa trên nguyên lý về sự đồng nhất biện chứng giữa ý thức và đối tượng, tư duy và tồn tại. Trong đó, các phạm trù (chẳng hạn như: chất, lượng, hạn độ, bản chất, hiện tượng, nội dung, hình thức, tất nhiên, ngẫu nhiên, hiện thực, khả năng, cái phổ biến, cái đặc thù, cái cá biệt,...) giữ vai trò quan trọng. Bởi lẽ, các phạm trù càng bao quát và càng sâu sắc, thì năng lực thấu hiểu và chiếm lĩnh thế giới đối tượng của con người càng mạnh mẽ. Với năng lực “phạm trù hóa” thế giới do *Khoa học Logic* mang lại, con người không còn phải đối mặt với thế giới đối tượng như thế đó là những cái xa lạ, ngoại tại nữa, mà là với thế giới đối tượng - cho - con người, được xác định và suy tưởng bởi chính con người. Do đó, Hegel cho rằng triết học là hình thái tư tưởng cao nhất biểu hiện Tinh thần tuyệt đối, ở đó có sự dung hợp và hòa giải giữa chủ thể và khách thể, tư duy và tồn tại, con người và thế giới đối tượng, tinh thần và tự nhiên; và biểu hiện sự phát triển mang tính tự giác cao nhất của tự - ý thức đã vượt bỏ sự tha hóa của chính nó trong mối quan hệ với thế giới khách quan.

Bên cạnh đó, Hegel có bàn đến sự tha hóa của tự - ý thức cá biệt trong chính môi trường xã hội hay đời sống cộng đồng. Hegel cho rằng: có sự phân đôi giữa tự - ý thức cá biệt, hay con người cá nhân, và Tinh thần với tư cách là “thực thể luân lý”, “hiện thực luân lý” (Georg Wilhelm Friedrich Hegel, 1977: 263) - được hiểu là đời sống cộng đồng với những thiết chế văn hóa gắn với nó. Đứng ở góc độ cá nhân, cá nhân xác định chính mình trong mối quan hệ với cộng đồng, trong sự cộng tồn với các cá nhân khác, điều này thể hiện ở *hệ thống những nhu cầu, sự phân công lao động xã hội, sự phân tầng xã hội và các tổ chức của xã hội*. Hegel đã viết nên một câu rất độc đáo: “cái Tôi là cái Chúng ta và cái Chúng ta là cái Tôi” (Georg Wilhelm Friedrich Hegel, 1977: 110). Đứng ở góc độ Tinh thần, thì Tinh thần là hiện thực văn hóa và là *Tinh thần khách quan* trong cộng đồng xã hội khi nó thể hiện bản chất của nó thành những vòng khâu (moment) (Georg Wilhelm Friedrich Hegel, 1977: 264) hiện diện nơi tâm thức và hành động của cá nhân. Một mặt, Tinh thần biểu hiện mình nơi cá nhân hay tự - ý thức cá biệt chứ không tách biệt với con người cụ thể; mặt khác, trong tổng thể tiến trình vận động của mình - gắn liền với cộng đồng xã hội, nó lại mang tính khách quan, độc lập, không phụ thuộc vào ý muốn của cá nhân riêng lẻ. Và ở đây, Hegel đã phác thảo nên vận động của sự tha hóa, không phải mang tính một chiều, mà là hai chiều: cá nhân tự tha hóa chính mình trong Tinh thần, và ngược lại, Tinh thần cũng tự tha hóa chính mình nơi cá nhân. Bởi vì tình trạng tha hóa này, con người cá nhân hay tự - ý thức cá biệt nhận thức và ứng xử trong sự phân đôi chính mình khi tham gia vào đời sống cộng đồng: một bên là “bản ngã” hay cái Tôi bên trong của cá nhân; một bên là “nhân thân ngoại tại” hay sự biểu hiện ra bên ngoài của cá nhân trong các mối quan hệ cộng đồng, và thường đó là

sự biểu hiện “hợp quy chuẩn khách quan”. Từ điều này, con người cá nhân cũng ý thức về sự phân đôi của chính mình với đời sống cộng đồng, cảm thấy mình trở nên xa lạ với “bản ngã” của chính mình khi thâm nhập vào những mối quan hệ với người khác.

Giải pháp để vượt bỏ sự tha hóa của tự - ý thức cá biệt hay con người cá nhân trong mối quan hệ với đời sống cộng đồng chính là nhà nước, hay đúng hơn, là *nhà nước hợp lý tính*. Trong *Những nguyên lý của Triết học pháp quyền*, Hegel lập luận rằng, nhà nước “có sự hiện hữu trực tiếp trong tập tục, và có sự hiện hữu gián tiếp trong tự - ý thức của cá nhân” (Georg Wilhelm Friedrich Hegel, 2003: 275). Nhà nước vừa hiện hữu trong tập tục, vừa hiện diện trong tự - ý thức cá nhân. Vì vậy, chính nhà nước vượt bỏ sự phân đôi giữa tự - ý thức cá nhân và đời sống cộng đồng, để dung hợp cả hai trong một thể thống nhất. Bởi vì nhà nước vừa biểu hiện Tinh thần khách quan, đồng thời là cái hợp lý tính, nên “bản thân cá nhân chỉ có được tính khách quan, chân lý và đời sống luân lý khi là một thành viên của nó” (Georg Wilhelm Friedrich Hegel, 2003: 276). Theo Hegel, nhà nước hợp lý tính là bởi vì nó có sự thống nhất và thâm nhập lẫn nhau giữa tính phổ biến và tính cá biệt, có sự thống nhất giữa sự tự do khách quan (ý chí thực thể phổ biến, gắn với cộng đồng) và sự tự do chủ quan (gắn với nhận thức cá nhân và những mục đích đặc thù của cá nhân). Nhờ vậy, trong nhà nước, sự tha hóa của con người cá nhân trong mối quan hệ với cộng đồng được vượt bỏ, thay vào đó, có sự hòa giải giữa cái phổ biến, cái đặc thù và cái cá biệt, giữa cá nhân và cộng đồng; và khi đó, con người mới có thể đạt đến sự tự do hiện thực. Trong *Các bài giảng triết học về lịch sử thế giới*, Hegel khẳng định rằng: “xã hội và nhà nước mang đến những điều kiện để sự tự do được hiện thực hóa” (Georg Wilhelm Friedrich Hegel, 2011: 103).

4. Sự tiếp thu và sự phê phán của Feuerbach và của Marx-Engels đối với tư tưởng của Hegel về sự tha hóa của con người

Với những nội dung như trên, tư tưởng của Hegel về sự tha hóa của con người đã tạo nên sức ảnh hưởng đáng kể và nhận được sự phê phán đáng chú ý của các nhà triết học thế hệ sau như Ludwig Andreas von Feuerbach (1804-1872), Karl Marx (1818-1883) và Friedrich Engels (1820-1895).

Với Feuerbach, một mặt, ông phê phán lập trường duy tâm của triết học Hegel, mà điểm xuất phát của nó chính là việc Hegel xem tự - ý thức là bản chất cốt yếu của con người và dựa vào tự - ý thức hay tư duy để triển khai toàn bộ hệ thống triết học của mình. Feuerbach cho rằng tự - ý thức hay tư duy không thể tự phát sinh, mà là sự phản ánh của thế giới vật chất khách quan. Mặt khác, ông tiếp thu phạm trù “tha hóa” từ Hegel, nhưng khác với Hegel, ông không xem tha hóa là một quá trình tất yếu trên con đường kiến tạo và rèn luyện văn hóa của con người trong quan hệ với thế giới khách quan và trong quan hệ giữa người với người, mà ông thiên về cách hiểu tha hóa là “sự đánh mất chính mình của con người”, mà sự đánh mất này diễn ra trong sinh hoạt tôn giáo, trong *mối quan hệ giữa con người với Thượng đế*. Theo ông, trong mối quan hệ này, con người phủ định mình, vì con người không thể tự khẳng định vị thế và tính chủ thể của mình mà quy tất cả về Thượng đế, về sự ân sủng của Thượng đế dành cho con người. Con người từ bỏ mọi thuộc tính loài phong phú của mình và chuyển tất cả chúng vào Thượng đế với tư cách là tồn tại tối cao. Vì vậy, Feuerbach nhận định rằng: “Thượng đế có thể là tất cả, thì con người phải không là gì cả” (Ludwig Andreas von Feuerbach, 1881: 26).

Marx đã có sự tiếp thu và phê phán một cách thấu đáo tư tưởng của Hegel về sự tha hóa của con người, thể hiện tập trung trong tác phẩm *Bản thảo kinh tế - triết học 1844* và một số tác phẩm khác. Marx nhận thấy rằng, Hegel chỉ phân tích về sự tha hóa của con người với

tính cách là sự tha hóa của tự - ý thức trong đối tượng một cách trừu tượng, và cho rằng: “Con người là thực thể nhục thể, có những lực lượng tự nhiên, sinh động, hiện thực, cảm tính, có tính đối tượng [...] con người chỉ biểu hiện đời sống của mình dựa trên những đối tượng hiện thực, cảm tính” (Các Mác & Phridorich Ăng-ghe-n, 2000: 232). Với Marx, sự tha hóa của con người trước hết là sự tha hóa *trong hiện thực cảm tính*, và là sự tha hóa *mang tính vật chất*, khi con người kết nối với các đối tượng vật chất trong thế giới khách quan. Nếu như Hegel xem sự kiến tạo xã hội và sự kiến tạo đời sống văn hóa của nhân loại gắn liền với sự tha hóa của con người (ông trình bày quá trình này với tư cách là sự vận động của Tinh thần); thì Marx cũng lập luận rất sắc sảo rằng: “[...] đối tượng lao động là sự đối tượng hóa đời sống có tính loài của con người: con người nhân đôi mình không chỉ về mặt trí tuệ như xảy ra trong ý thức nữa, mà còn nhân đôi mình một cách hiện thực, một cách tích cực và con người ngắm nhìn bản thân mình trong thế giới do mình sáng tạo ra” (Các Mác & Phridorich Ăng-ghe-n, 2000: 137). Ở điểm này, Marx nhìn ra được hạn chế của Hegel: Hegel chỉ thấy được lao động của con người để sản sinh ra chính mình và đời sống của mình là lao động của tự - ý thức hay là *lao động tinh thần trừu tượng*, mà chưa phân tích để làm rõ những chiều kích khác nhau của lao động hiện thực, trước hết là trong hiện thực cảm tính. Bên cạnh đó, Hegel xem xét sự tha hóa của con người với tính cách là sự khẳng định bản chất loài của con người trong hành trình kiến tạo và rèn luyện văn hóa, tức là nhấn mạnh *phương diện khẳng định* của sự tha hóa, còn với Marx, ông không chỉ xem xét sự tha hóa trên phương diện khẳng định mà còn xem xét nó trên *phương diện phủ định*. Cụ thể hơn, trong bối cảnh của xã hội tư bản chủ nghĩa châu Âu nửa đầu thế kỷ XIX, Marx đã xem xét sự tha hóa của người công nhân với tính cách là sự đánh mất chính bản thân mình, là sự phủ định của chính bản thân mình của người công nhân trong guồng máy sản xuất tư bản chủ nghĩa. Người công nhân bị tha hóa trong mối quan hệ với sản phẩm lao động của chính mình, trong bản thân hành vi lao động của mình, bị đánh mất tự do và đánh mất chính bản thân mình - với tư cách là con người - trong lao động: “lao động là cái gì đó bên ngoài đối với người công nhân, không thuộc bản chất của anh ta; trong lao động của anh ta, anh ta không khẳng định mình mà phủ định mình, không cảm thấy mình sung sướng, mà cảm thấy mình khổ sở [...]” (Các Mác & Phridorich Ăng-ghe-n, 2000: 132). Sự tha hóa trong đời sống của người công nhân, không phải do “mẹo lừa của lý tính” gây ra như quan niệm của Hegel, mà xuất phát từ sự tha hóa của quan hệ sở hữu, hay từ quan hệ sở hữu không chân chính của xã hội tư bản chủ nghĩa: sự sở hữu phần lớn tư liệu sản xuất thuộc về giai cấp tư sản, trong khi những người công nhân không có, hoặc có rất ít tư liệu sản xuất nên buộc phải bán sức lao động, hay làm thuê cho giới chủ tư sản, và chế độ lao động làm thuê là nguyên nhân trực tiếp khiến cho sản phẩm lao động và bản thân hành vi lao động của người công nhân không thuộc về chính mình mà thuộc về “thực thể xa lạ”, thuộc về “người khác” - đó chính là giai cấp tư sản. Và vì vậy, người công nhân tha hóa chính mình - theo nghĩa là đánh mất đời sống mang tính loài đích thực của mình - trong mối quan hệ với giai cấp tư sản.

Đối với giải pháp khắc phục sự tha hóa của con người trong mối quan hệ với thế giới đối tượng khách quan cũng như sự tha hóa và phân đôi của cá nhân trong đời sống cộng đồng của Hegel, Marx và Engels cũng có sự phê phán xác đáng. Trong *Bản thảo kinh tế - triết học 1844*, Marx không phủ nhận khả năng nắm bắt và chiếm lĩnh thế giới đối tượng khách quan bằng năng lực phạm trù hóa nó, nghĩa là con người có thể xác định thế giới bằng hệ thống các phạm trù (Hegel đã trình bày điều này trong *Khoa học Logic*), tuy nhiên, Marx nhận xét rằng: với Hegel, sự chiếm hữu chỉ là “sự chiếm hữu diễn ra trong ý thức, tư duy thuần túy, nghĩa là trong sự trừu tượng, là sự chiếm hữu những đối tượng ấy như là tư tưởng và sự vận động

của tư tưởng” (Các Mác & Phridorich Ăngghen, 2000: 224). Và sự chiếm hữu như vậy dù thế nào thì vẫn là phiến diện, chưa đầy đủ, thậm chí có thể rơi vào những ảo tưởng mang tính tư biện. Marx cho rằng, muốn thực sự khắc phục sự tha hóa của con người trong mối quan hệ với đối tượng, thì con người cần “chiếm hữu một cách hiện thực” (Các Mác & Phridorich Ăngghen, 2000: 241) đối tượng của mình và bản chất đã được ngoại tại hóa, đối tượng hóa của mình, để khôi phục lại đời sống mang tính loài chân chính. Marx và Engels cũng không tán thành quan điểm của Hegel cho rằng nhà nước là thực thể hợp lý có thể hòa giải cá nhân và cộng đồng, và mang đến điều kiện cho sự tự do hiện thực. Trong *Hệ tư tưởng Đức*, Marx và Engels đã chỉ ra: “Chính do mâu thuẫn đó giữa lợi ích riêng và lợi ích chung mà lợi ích chung với danh nghĩa là nhà nước, mang một hình thức độc lập, tách khỏi những lợi ích thực tế của cá nhân và của tập thể, đồng thời cũng mang một hình thức của một cộng đồng hư ảo” (Các Mác & Phridorich Ăngghen, 1995: 46-47). Vì vậy, với Marx (và Engels), nhà nước hợp lý tính trong trang viết của Hegel thực chất chỉ dừng lại là một “mộng tưởng chính trị”, một sự khát vọng đơn thuần về cái hợp lý mà thôi. Cũng trong *Hệ tư tưởng Đức*, Marx và Engels đã chỉ ra rằng: trong xã hội có giai cấp thì giai cấp nào thống trị về kinh tế thì cũng thống trị về chính trị. Vì vậy, đặt trong bối cảnh xã hội tư bản chủ nghĩa thế kỷ XIX, nhà nước theo nghĩa là bộ máy cầm quyền của giai cấp tư sản không thể hòa giải lợi ích riêng tư và lợi ích chung, cũng không thể giải quyết ổn thỏa sự tha hóa của con người, đặc biệt là người công nhân, mà ngược lại, còn góp phần khoét sâu thêm tình trạng tha hóa đó. Theo hai ông, giải pháp thực sự để khắc phục tình trạng tha hóa của con người chính là chủ nghĩa cộng sản. Đó là “chủ nghĩa tự nhiên hoàn bị”, “chủ nghĩa nhân đạo hoàn bị” giải quyết được sự phân đôi và sự đối lập giữa con người và đối tượng, giữa cá nhân và cộng đồng, giữa cá thể và loài, giữa lợi ích riêng tư và lợi ích công cộng... Chủ nghĩa cộng sản không chỉ là lý thuyết mà còn là “một phong trào hiện thực” (Các Mác & Phridorich Ăngghen, 2000: 167), một sự cải biến triệt để xã hội hiện thực, mà nội dung cốt yếu của nó là “sự xóa bỏ một cách tích cực chế độ tư hữu” (Các Mác & Phridorich Ăngghen, 2000: 167), theo nghĩa là: “Chủ nghĩa cộng sản không tước bỏ của ai cái quyền chiếm hữu những sản phẩm xã hội cả. Chủ nghĩa cộng sản chỉ tước bỏ quyền dùng sự chiếm hữu ấy để nô dịch lao động của người khác” (Các Mác & Phridorich Ăngghen, 1980: 562). Như vậy, *chủ nghĩa cộng sản đích thực* hay *chủ nghĩa cộng sản khoa học* hình thành trên cơ sở xóa bỏ một cách tích cực chế độ tư hữu bằng những biện pháp và những bước đi thích hợp, từ đó loại trừ cơ sở xã hội của sự tha hóa của con người, tiến đến xác lập đời sống mang tính người đích thực và mối quan hệ chân chính giữa con người với thế giới tự nhiên khách quan và giữa con người với con người trong xã hội.

5. Kết luận

Tựu trung lại, Hegel đã trình bày về sự tha hóa của con người với tư cách là sự tha hóa của chủ thể tự - ý thức và con đường để vượt bỏ sự tha hóa đó trong các tác phẩm của mình. Hegel đã làm rõ sự tha hóa của tự - ý thức trong mối quan hệ với thế giới đối tượng khách quan và sự tha hóa của tự - ý thức trong mối quan hệ với đời sống cộng đồng của chính mình. Việc quy giản bản chất con người về tự - ý thức và tập trung xem xét những biểu hiện của sự tha hóa gắn với tự - ý thức đã tỏ rõ lập trường duy tâm của Hegel, và điều đó dẫn đến hạn chế của ông: chưa chú trọng đến phương diện vật chất cảm tính, hay phương diện “nhục thể” của con người, chưa xem xét con người một cách cụ thể và thấu đáo trong các mối quan hệ hiện thực (cả quan hệ tự nhiên và quan hệ xã hội), và vì thế, nói đến cùng, những quan điểm về con người và về sự tha hóa của con người mà Hegel đưa ra vẫn mang tính trừu tượng. Mặc dù vậy, tư tưởng về sự tha hóa của con người mà Hegel

trình bày vẫn mang đến thông điệp có giá trị: con người tự tạo nên chính mình và đời sống của chính mình, trong quá trình đó, con người vừa trải qua sự tha hóa trong quan hệ với cái khác cũng như trong quan hệ với chính mình, đồng thời từng bước vượt bỏ sự tha hóa đó, để tái thống nhất với chính mình và khẳng định đời sống mang tính người chân chính của mình (mặc dù “tính người chân chính” mà Hegel hiểu là sự thống nhất của tự - ý thức với chính mình, hay ở cấp độ phổ quát, là Tinh thần thống nhất với chính mình và tự nhận thức chính mình - một cách hiểu vẫn rất trừu tượng). Chính thông điệp này đã tạo nên giá trị của triết học Hegel, “một triết học về con người thay thế cho [quan niệm] về sự sáng tạo vĩnh viễn của triết học truyền thống” (Jean Hypolite, 1973: 132), vì Hegel đã thực sự cho thấy con người không phải được tạo ra một lần là xong, mà chính con người tự tạo nên chính mình, tự biến đổi và thậm chí là tự tha hóa thông qua hoạt động của chính mình. Và nó đã góp phần quan trọng gợi mở cho một số trào lưu, trường phái và triết gia thế hệ sau Hegel, trong đó, các nhà kinh điển marxist đã thể hiện sự tiếp thu và phê phán một cách tích cực. Cho đến ngày nay, với những nội dung phong phú và những ý nghĩa sâu sắc của mình, triết học Hegel nói chung, tư tưởng về tha hóa của con người của ông nói riêng, vẫn là chủ đề đáng nghiên cứu đối với cộng đồng triết học hàn lâm và những người yêu mến triết học nói chung. Việc đọc và đọc lại Hegel vẫn nên được thực hiện với tinh thần khách quan, trung thực và có sự phê phán, đồng thời nên tham chiếu đến các vấn đề đặt ra trong đời sống của con người ở thế kỷ XXI.

Tài liệu tham khảo

- C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n. (1980). *Tuyển tập*. t.1. Nxb. Sự thật.
- C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n. (1995). *Toàn tập*. t.3. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n. (2000). *Toàn tập*. t.42. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.
- C. Taylor. (1999). *Hegel*. Nxb. Đại học Cambridge.
- G.Lukacs. (1975). *The Young Hegel. Studies in the Relations between Dialectics and Economics* (*Hegel trẻ. Nghiên cứu về quan hệ giữa phép biện chứng và kinh tế*) (bản dịch tiếng Anh của Rodney Livingstone). Nxb. Merlin.
- G.W.F.Hegel. (1977). *Phenomenology of Spirit* (*Hiện tượng học Tinh thần*) (bản dịch tiếng Anh của A.V.Miller). Nxb. Đại học Oxford.
- G.W.F.Hegel. (2003). *Elements of the Philosophy of Right* (*Những nguyên lý của Triết học pháp quyền*) (bản dịch tiếng Anh của H.B.Nisbet). Nxb. Đại học Cambridge.
- G.W.F.Hegel. (2010). *The Science of Logic* (*Khoa học Logic*) (bản dịch tiếng Anh của G.D.Giovanni). Nxb. Đại học Cambridge.
- G.W.Hegel. (2011). *Lectures on the philosophy of world history* (*Các bài giảng triết học về lịch sử thế giới*). t.1 (bản dịch tiếng Anh của R.F.Brown và P.C.Hodgson). Nxb. Đại học Oxford.
- J.Hypolite. (1973). *Studies on Marx and Hegel* (*Nghiên cứu về Marx và Hegel*) (bản dịch tiếng Anh của J. O'Neill). Nxb. Harper & Row.
- K.Löwith. (1993). *Max Weber và Karl Marx* (*Max Weber và Karl Marx*) (bản dịch tiếng Anh của T.Bottomore và W.Outhwaite). Nxb. Routledge.
- L.A.Feuerbach. (1881). *The Essence of Christianity* (*Bản chất Ki-tô giáo*) (bản dịch tiếng Anh của M. Evans). Nxb. Trübner & Công ty Ludgate Hill.
- M.Inwood. (2015). *Từ điển triết học Hegel* (Nhiều dịch giả). Nxb. Tri thức.
- P. Singer. (2001). *Hegel - A Very Short Introduction* (*Dẫn nhập ngắn về Hegel*). Oxford University Press.
- Trần Đức Thảo. (2017). *Tuyển tập*. t.1. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.